

# THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CHI PHỐI HIỆU QUẢ DẠY VÀ HỌC MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI HỌC VIỆN AN NINH NHÂN DÂN

Thieu Tân Thế\*

**Tóm tắt:**

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường quy xác định các yếu tố cơ bản chi phối tới hiệu quả học tập môn Giáo dục thể chất (GDTC) tại Học viện An ninh nhân dân (ANND), trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng các yếu tố, làm cơ sở lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện giảng dạy môn học GDTC tại Học viện ANND.

**Từ khóa:** Yếu tố chi phối hiệu quả dạy và học, môn học GDTC, Học viện ANND.

**Current status of basic factors affecting the effectiveness of learning physical education at the People's Security Academy**

**Summary:**

Use of routine research methods to determine the basic factors that affect the effectiveness of learning Physical Education at the People's Security Academy, base on that, assess the factors as the basis for selection of teaching methods suitable with the condition of teaching physical education in People's Security Academy.

**Key words:** Current situation, basic factors, learning effectiveness, physical education, People's Security Academy.

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong nhiều năm qua Bộ môn Quân sự - Võ thuật - TĐTT của Học viện ANND đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ giảng dạy và huấn luyện TĐTT. Hàng năm học viên tốt nghiệp ra trường đã có thể lực và kỹ năng vận động cơ bản tương đối tốt, đáp ứng được yêu cầu của công tác thực tế.

Tuy vậy, nghiêm túc nhìn nhận công tác giảng dạy môn GDTC ở Học viện ANND vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế, đặc biệt là phương pháp giảng dạy của giảng viên còn chậm đổi mới, chưa tiếp cận xu thế phát triển của lý luận dạy học chung cũng như lý luận dạy học TĐTT nói riêng. Xác định chính xác các yếu tố chi phối hiệu quả học tập môn học GDTC là vấn đề quan trọng giúp lựa chọn các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học GDTC tại Trường.

**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp quan sát sự phạm; phương pháp

phỏng vấn; phương pháp kiểm tra sự phạm và phương pháp toán học thống kê.

Đối tượng khảo sát là 367 sinh viên D46 (năm thứ 2) và D47 (năm thứ nhất), trong đó có 332 sinh viên nam và 35 sinh viên nữ.

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**1. Xác định các yếu tố cơ bản chi phối tới hiệu quả dạy và học môn học GDTC tại Học viện ANND**

Hiệu quả dạy học môn học GDTC phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tới hiệu quả dạy và học.

Tiến hành xác định các yếu tố cơ bản chi phối tới hiệu quả dạy học môn học GDTC tại học viện ANND thông qua tham khảo tài liệu và xin ý kiến trực tiếp của các chuyên gia, kết quả bước đầu đã xác định được các 8 yếu tố.

Để lựa chọn được các yếu tố chính ảnh hưởng tới hiệu quả học tập môn học GDTC tại Trường, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 32 người, trong đó có 8 nhà khoa học, 11 chuyên gia GDTC, 13 giảng viên GDTC bằng phiếu hỏi, đồng thời so

\*ThS, Học viện An ninh nhân dân; Email: thieutuan@yahoo.com

## BÀI BÁO KHOA HỌC

sánh sự khác biệt kết quả trả lời giữa các nhóm đối tượng. Cách trả lời theo 2 mức tán thành và không tán thành. Chúng tôi sẽ lựa chọn những yếu tố đạt từ 70% ý kiến tán thành ở các nhóm

đối tượng phỏng vấn là những yếu tố chính ảnh hưởng tới hiệu quả học tập môn học GDTC tại Trường. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Kết quả phỏng vấn xác định yếu tố cơ bản chi phối tới hiệu quả dạy và học môn học GDTC tại Học viện ANND (n=32)**

TT	Yếu tố	Nhà khoa học (n=8)		Chuyên gia GDTC (n=11)		Giảng viên GDTC (n=13)		$\chi^2$	P
		$m_i$	%	$m_i$	%	$m_i$	%		
1	Chương trình môn học	8	100.00	11	100.00	13	100.00	0	>0.05
2	Yếu tố người dạy	7	87.50	10	90.91	13	100.00	1.55	>0.05
3	Yếu tố người học	7	87.50	10	90.91	11	84.62	0.216	>0.05
4	CSVC phục vụ dạy và học	6	75.00	9	81.82	11	84.62	0.304	>0.05
5	Phương pháp dạy học GDTC	7	87.50	10	90.91	12	92.31	1.534	>0.05
6	Công tác tổ chức hoạt động GDTC	6	75.00	9	81.82	11	84.62	0.304	>0.05
7	Công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học GDTC	7	87.50	8	72.73	11	84.62	0.826	>0.05
8	Cơ chế, chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học	5	62.50	6	54.55	8	61.54	0.164	>0.05

Qua bảng 1 cho thấy có sự thống nhất cao giữa các nhóm đối tượng phỏng vấn thể hiện không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $P>0.05$ ) ở tất cả các nội dung phỏng vấn khi so sánh bằng  $\chi^2$

Theo nguyên tắc phỏng vấn, chúng tôi xác định được 7 yếu tố chính ảnh hưởng tới hiệu quả môn học GDTC tại Học viện ANND gồm các yếu tố từ 1-7. Riêng yếu tố 8 có ý kiến tán thành <70% tổng số ý kiến phỏng vấn ở các nhóm nên bị loại.

**2. Thực trạng các yếu tố cơ bản chi phối tới hiệu quả dạy và học môn học Giáo dục thể chất tại Học viện An ninh nhân dân**

**Bảng 2. Thực trạng chương trình GDTC tại Học viện ANND (năm học 2015-2016)**

TT	Học phần	Số tín chỉ	Phân loại tiết				
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Kiểm tra
1	Thể thao cơ bản	1	65	2	38	23	2
2	Bơi	1	65	1	39	23	2
3	Tự chọn 1. Bóng chuyên	1	65	1	39	23	2
4	Tự chọn 2. Bóng rổ	1	65	1	39	23	2
5	Tự chọn 3. Cầu lông	1	65	1	39	23	2
6	Tự chọn 4. Võ Taekwondo	1	65	1	39	23	2

### 2.1. Thực trạng chương trình môn học GDTC

Đánh giá thực trạng chương trình môn học GDTC thông qua phân tích chương trình và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên GDTC. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy:

Chương trình môn học GDTC tại Học viện ANND được xây dựng với 3 tín chỉ, trong đó có 2 tín chỉ bắt buộc và 1 tín chỉ tự chọn. 2 tín chỉ bắt buộc là Thể thao cơ bản (gồm: Giới thiệu môn học, chạy cự ly ngắn (100m), chạy cự ly trung bình (800m với nữ và 1500m với nam), kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi) và Bơi (bơi ếch).

Trong học phần tự chọn, sinh viên được học

phương pháp học tập và cách sơ cứu chấn thương và chọn 1 trong 4 môn (Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông và võ Taekwondo). Mỗi tín chỉ gồm 65 tiết, trong đó có 23 tiết tự học.

Chương trình môn học GDTC được xây dựng đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nội dung chương trình đa dạng cả nội dung lý thuyết, thực hành, tự học và kiểm tra đánh giá, tự học bằng 50% nội dung thực dạy. Điều này giúp phát triển rất tốt phong trào ngoại khóa và thói quen tự rèn luyện thân thể cho sinh viên

Nhà trường.

Kiểm tra đánh giá được tiến hành theo thang điểm 10. Thực hành chạy 100m và nhảy xa hệ số 1; chạy cự ly trung bình và bơi hệ số 3; và thể thao tự chọn hệ số 2.

**2.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC**

Thống kê thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC qua phân tích hồ sơ cán bộ và phỏng vấn trực tiếp giảng viên GDTC tại Bộ môn. Kết quả trình bày tại bảng 3.

**Bảng 3. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC tại Học viên ANND năm học 2016-2017**

TT	Giới tính	Kết quả thông kê													
		Tổng số	Tổng số SV	Tỷ lệ SV/GV	Thâm niên bình quân		Trình độ đào tạo			Chuyên ngành đào tạo					
					< 5 năm	> 5 năm	Trên ĐH	ĐH	Dưới ĐH	ĐK	BB	Vật	BC	CL	Võ
1	Nam	8	2400	267 SV/GV	2	6	4	4	0		1	1	2	2	2
2	Nữ	1			0	1	1	0	0	1					
<b>Tổng:</b>		9			2	7	5	4	0	1	1	1	2	2	2

Qua bảng 3 cho thấy:

Đội ngũ giảng viên chủ yếu là Nam (gần 90%), trình độ đào tạo trên đại học chiếm 55.55%, không có giảng viên trình độ dưới đại học, thâm niên trên 5 năm chiếm gần 80%. Như vậy, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm giảng dạy phong phú, đáp ứng nhu cầu giảng dạy tại Trường, có khả năng học tập nâng cao trình độ cũng như áp dụng khoa học kỹ thuật mới trong giảng dạy.

Đội ngũ giảng viên có chuyên ngành đào tạo đa dạng, thuận lợi cho công tác giảng dạy nội khóa và phát triển phong trào TDTT ngoại khóa.

Tỷ lệ giảng viên/sinh viên nhà trường là 267 sinh viên/giảng viên, cao hơn nhiều so với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2.3. Thực trạng tính tích cực của sinh viên tham gia học tập GDTC**

Khảo sát tính tích cực của sinh viên trong học tập môn học GDTC thông qua phỏng vấn 367 sinh viên khóa D46 và D47 và lấy ý kiến đánh giá của 9 giảng viên giảng dạy môn học GDTC. Phỏng vấn được đánh giá theo thang độ liket 5 mức, từ 5 tới 1 điểm, tương ứng từ rất tốt tới rất không tốt. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

**Bảng 4. Thực trạng tính tích cực học tập môn học GDTC của sinh viên Học viện ANND (n=376)**

TT	Các tiêu chí đánh giá	Sinh viên (n=367)						Giảng viên (n=9)					
		5	4	3	2	1	TB	5	4	3	2	1	TB
1	Đảm bảo giờ giấc	167	115	54	23	8	4.12	2	2	3	1	1	3.44
2	Chăm chú lắng nghe	135	121	51	42	18	3.85	1	2	4	2	0	3.44
3	Chăm chỉ luyện tập	143	118	63	24	19	3.93	1	2	4	1	1	3.22
4	Có ý thức chấp hành	187	125	34	18	3	4.29	1	2	4	2	0	3.44
5	Đạt kết quả học tập	78	82	146	45	16	3.44	1	1	5	1	1	3.11

Qua bảng 4 cho thấy:

Đa số sinh viên có ý thức học tập tốt, đảm bảo giờ giấc học tập, chăm chú lắng nghe, chăm chỉ tập luyện, có ý thức chấp hành kỷ luật tốt và có kết quả học tập từ trung bình trở lên. Ý kiến đánh giá của sinh viên và giảng viên có sự chênh lệch cao trong đánh giá. Kết quả đánh giá ý thức học tập của sinh viên từ giáo viên thấp hơn so với kết quả sinh viên tự đánh giá.

Bên cạnh số sinh viên có ý thức tốt vẫn còn một

số sinh viên (dưới 20%) có ý thức học tập chưa thực sự tốt. Điều này đã có ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả học tập môn học GDTC của sinh viên.

**2.4. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học GDTC**

Thống kê thực trạng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học GDTC tại Học viện ANND thông qua quan sát sự phạm, phỏng vấn trực tiếp các giảng viên GDTC tại Trường. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

**Bảng 5. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học GDTC tại Học viện ANND năm học 2015-2016**

Các loại hình thức sân bãi dụng cụ phương tiện dạy học	Số lượng	Chất lượng			Mức độ đáp ứng nhu cầu
		Tốt	TB	Kém	
Phòng học lý thuyết	1		1		Tốt
Nhà tập (phòng tập TDTT)	2			2	Trung bình
Sân tập điền kinh	1	1			Tốt
Sân tập thể dục (xà)	1		1		Khá
Sân bóng đá	1	1			Trung bình
Sân bóng chuyền	3		3		Tốt
Phòng tập bóng bàn	1		1		Tốt
Sân cầu lông	10		6	4	Tốt
Sân bóng rổ	1		1		Trung bình
Sân Tennis	1		1		Trung bình
Bể bơi	1		1		Tốt
Các dụng cụ vượt, cầu, bóng lưới	đủ cho 50 người tập			1	Tốt
Máy trình chiếu	2 máy chiếu			2	Trung bình
Máy tính xách tay	10 vi tính			5	Trung bình

Qua bảng 5 cho thấy: Học viện ANND có cơ sở vật chất phục vụ dạy học môn GDTC khá đồng bộ và đầy đủ. Trong đó các sân bãi, bể bơi, nhà tập đúng qui cách có thể tổ chức thi đấu giải TDTT của ngành Công an hoặc các giải TDTT cho sinh viên cấp quốc gia như sân bóng đá, sân điền kinh, bóng chuyền, cầu lông, bể bơi...

Bộ môn Quân sự - Võ thuật - TDTT còn được trang bị 2 máy chiếu (projector) và 10 máy vi tính xách tay phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học các môn trong chương trình GDTC cho sinh viên Học viện ANND

Cơ sở vật chất hoàn toàn có thể đáp ứng cho việc sử dụng các phương pháp dạy học các môn GDTC. Tuy nhiên, một số trang thiết bị đã cũ

do sử dụng lâu năm, cần có các biện pháp bảo hành, bảo dưỡng để nâng cao tuổi thọ và hiệu quả sử dụng.

**2.5. Thực trạng phương pháp dạy học giáo dục thể chất**

Căn cứ nội dung chương trình môn học GDTC, khi thống kê thực trạng phương pháp dạy học chúng tôi cũng đã thống kê theo 2 nhóm phương pháp: Phương pháp dạy học lý thuyết và phương pháp dạy học thực hành.

Đánh giá thực trạng phương pháp dạy học GDTC tại Học viện ANND thông qua phân tích giáo án giảng dạy, quan sát trực tiếp các giờ dạy và phỏng vấn các giảng viên GDTC tại Trường bằng phiếu hỏi. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

**Bảng 6. Thực trạng sử dụng các phương pháp dạy học GDTC tại Học viện ANND (n=9)**

TT	Phương pháp	Thường xuyên		Ít sử dụng		Không sử dụng	
		m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
<b>Nhóm phương pháp chung</b>							
1	Phương pháp sử dụng lời nói	9	100	0	0	0	0
2	Phương pháp trực quan	9	100	0	0	0	0
<b>Nhóm phương pháp dạy học lý thuyết</b>							
3	Phương pháp thuyết trình	9	100	0	0	0	0
4	Phương pháp thảo luận	2	22.22	3	33.33	4	44.44
5	Phương pháp nêu vấn đề	0	0	1	11.11	8	88.89
6	Phương pháp nghiên cứu tình huống	0	0	1	11.11	8	88.89
7	Phương pháp tự nghiên cứu	0	0	1	11.11	8	88.89
8	Phương pháp sử dụng công nghệ hỗ trợ	4	44.44	5	55.56	0	0
9	Phương pháp khác	0	0	1	11.11	8	88.89
<b>Nhóm phương pháp dạy học thực hành</b>							
<i>* Nhóm phương pháp trong giảng dạy kỹ thuật</i>							
10	Phương pháp tập luyện nguyên vẹn	9	100	0	0	0	0
11	Phương pháp phân chia hợp nhất	4	44.44	5	55.56	0	0
12	Phương pháp sử dụng bài tập dẫn dắt	2	22.22	6	66.67	1	11.11
13	Phương pháp sử dụng bài tập bổ trợ	2	22.22	5	55.56	2	22.22
14	Phương pháp kiểm tra	9	100	0	0	0	0
<i>* Nhóm phương pháp phát triển thể lực</i>							
15	Phương pháp tập luyện ổn định	9	100	0	0	0	0
16	Phương pháp tập luyện biến đổi	2	22.22	5	55.56	2	22.22
17	Phương pháp tập luyện vòng tròn	1	11.11	3	33.33	5	55.56
18	Phương pháp trò chơi	1	11.11	2	22.22	6	66.67
19	Phương pháp thi đấu	3	33.33	4	44.44	2	22.22

Qua bảng 6 cho thấy:

Phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong dạy học GDTC tại Học viện ANND là phương pháp sử dụng lời nói và phương pháp trực quan, với 100% số giáo viên sử dụng thường xuyên trong cả giảng dạy lý thuyết và thực hành. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu hướng chung trong dạy học hiện nay.

Về phương pháp dạy học lý thuyết GDTC: Phương pháp được sử dụng nhiều nhất là phương pháp thuyết trình có sử dụng công nghệ hỗ trợ (máy tính và máy chiếu). Các phương pháp dạy học tích cực khác như phương pháp thảo luận, nêu vấn đề, nghiên cứu tình huống, tự nghiên cứu... chưa được sử dụng nhiều.

Về phương pháp dạy học thực hành GDTC:

Trong nhóm các phương pháp giảng dạy kỹ

thuật: Các phương pháp sử dụng thường xuyên nhất là phương pháp tập luyện nguyên vẹn, phương pháp phân chia hợp nhất và phương pháp kiểm tra (với 44.44-100% số người sử dụng ở mức thường xuyên). Đây là các phương pháp sử dụng đơn giản nhưng hiệu quả trong giảng dạy kỹ thuật động tác. Tuy nhiên, có 2 phương pháp hỗ trợ giảng dạy rất tốt là phương pháp sử dụng bài tập bổ trợ và bài tập dẫn dắt để nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ thuật, giúp sinh viên tiếp cận và hoàn thiện kỹ thuật tốt hơn lại chưa được sử dụng nhiều (gần 80% giáo viên ít sử dụng và không sử dụng). Để nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ thuật, bổ sung các phương pháp dạy học kỹ thuật là vấn đề cần thiết.

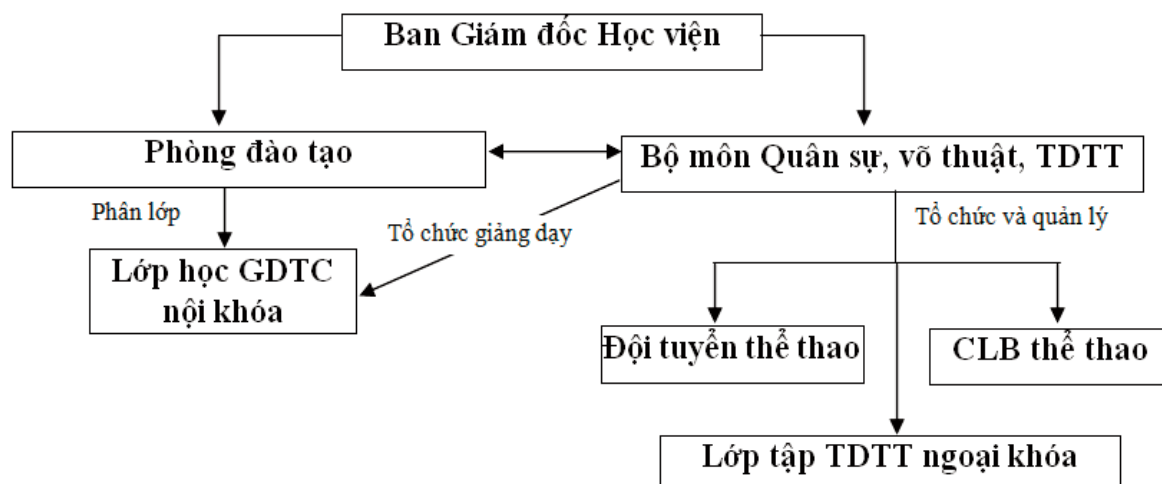
Về phương pháp sử dụng trong phát triển thể lực: Phương pháp được sử dụng phổ biến nhất là

## BÀI BÁO KHOA HỌC

phương pháp tập luyện ổn định. Đây là phương pháp đơn giản, dễ sử dụng với đông sinh viên và có hiệu quả tương đối tốt. Tuy nhiên, các phương pháp tập luyện vòng tròn, phương pháp trò chơi và thi đấu là những phương pháp rất tốt trong phát triển thể lực cho sinh viên, đồng thời kích thích hứng thú của người học trong quá trình tập luyện lại chưa được sử dụng nhiều.

### 2.6. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động Giáo dục thể chất

Được đánh giá thông qua phân tích tài liệu và phỏng vấn trực tiếp giảng viên Bộ môn Quân sự - võ thuật - TDTT. Thời điểm đánh giá: Năm học 2015-2016. Kết quả được trình bày tại sơ đồ 1.



Sơ đồ 1. Sơ đồ tổ chức hoạt động GDTC tại Học viện ANND

Bảng 7. Thực trạng công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học GDTC tại Học viện ANND (n=12)

TT	Nội dung	Kết quả					
		Tốt		Trung bình		Không tốt	
		m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
<b>Công tác quản lý</b>							
1	Tiến trình, kế hoạch giảng dạy năm	10	83.33	2	16.67	0	0
2	Tiến trình, kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ	10	83.33	2	16.67	0	0
3	Công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy	7	58.33	5	41.67	0	0
4	Hoạt động báo cáo, tổng kết công tác giảng dạy hàng năm	8	66.67	4	33.33	0	0
5	Báo cáo tổng kết về công tác tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa	5	41.67	7	58.33	0	0
<b>Công tác chỉ đạo</b>							
6	Ban hành các văn bản hướng dẫn	8	66.67	4	33.33	0	0
7	Sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám đốc học viện	-	-	-	-	-	-
	- Rất quan tâm	7	58.33	-	-	-	-
	- Quan tâm	5	41.67	-	-	-	-
	- Chưa quan tâm	0	0	-	-	-	-



**Bơi là môn thể thao nằm trong chương trình GDTC bắt buộc tại học viện An ninh nhân dân**

Qua sơ đồ 1 cho thấy: Bộ môn Quân sự - Võ thuật - TDTT tổ chức giảng dạy các lớp học GDTC nội khóa dưới sự quản lý của Ban Giám đốc Học viện và Phòng Đào tạo. Mỗi quan hệ giữa Phòng Đào tạo và Bộ môn là quan hệ 2 chiều.

Về hoạt động GDTC nội khóa: Phòng Đào tạo có trách nhiệm phân lớp học (theo đăng ký của sinh viên), sắp xếp thời khóa biểu cho Bộ môn. Bộ môn phân công lịch giảng dạy của cán bộ giáo viên theo thời khóa biểu, đồng thời tổ chức giảng dạy chương trình GDTC nội khóa theo quy định.

Về hoạt động TDTT ngoại khóa: Bộ môn Quân sự - Võ thuật - TDTT chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý hoạt động của các đội tuyển thể thao, các CLB thể thao và các lớp tập TDTT ngoại khóa của sinh viên toàn Trường.

Ngoài ra, khi tổ chức Hội thao toàn quân, các giải thi đấu thể thao, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc học viện, Bộ môn Quân sự - Võ thuật - TDTT sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức.

### **2.7. Thực trạng công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học môn học GDTC**

Công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học cũng là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng tới hiệu quả môn học. Tiến hành đánh giá thực trạng công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học thông qua quan sát sự phạm và phỏng vấn trực tiếp các cán bộ quản lý, giảng viên Bộ môn. Kết quả được trình bày tại bảng 7.

Qua bảng 7 cho thấy:

**(Bài nộp ngày 11/8/2018, Phản biện ngày 14/8/2018, duyệt in ngày 28/8/2018)**

Công tác quản lý hoạt động dạy học GDTC tại học viện ANND đã được quan tâm, chú ý. Hàng năm, Trường đều có tiến trình, kế hoạch giảng dạy theo năm học và từng học kỳ, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy cũng như báo cáo tổng kết về công tác giảng dạy, tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa... tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến đánh giá các hoạt động ở mức trung bình. Ý kiến đánh giá mức trung bình ở các hoạt động kiểm tra, báo cáo, tổng kết chiếm tỷ lệ cao hơn các yếu tố kế

hoạch giảng dạy. Không có nội dung nào bị đánh giá ở mức độ không tốt.

Về công tác chỉ đạo: Tất cả các ý kiến đánh giá đều đồng thuận cho rằng Đảng ủy, Ban Giám đốc học viện đã rất quan tâm và quan tâm tới công tác GDTC. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn cũng được đánh giá đa số ở mức độ tốt. Không có nội dung nào bị đánh giá không tốt.

### **KẾT LUẬN**

Xác định được 7 yếu tố cơ bản chi phối hiệu quả môn học GDTC tại Học viện ANND gồm: Chương trình môn học; Yếu tố người dạy; Yếu tố người học; Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học; Phương pháp dạy học GDTC; Công tác tổ chức hoạt động GDTC và Công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học GDTC. Trên cơ sở đó đã đánh giá thực trạng các yếu tố cơ bản chi phối hiệu quả học tập môn GDTC tại Trường.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lê Khánh Bằng, Lâm Quang Thiệp (2009), *Phương pháp dạy và học đại học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2013), Thông tư 24/2013/TT-BCA quy định tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong lực lượng Công an nhân dân, ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2013.
3. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2017), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb giáo dục, Hà Nội.